

ÔN TẬP

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài *Tôi và các bạn* thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về bản thân và bạn bè; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (bạn bè).
- Bước đầu có khả năng khái quát hoá những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài.

II CHUẨN BỊ

Phương tiện dạy học: Tranh minh hoạ Nam nhờ chim bồ câu gửi thư được phóng to hoặc thiết bị chiếu để trình chiếu hình thay cho tranh in. Thiết bị chiếu cũng có thể dùng để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *oac, oăc, oam, oăm, uơ, oach, oăng*

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể đã được học hoặc chưa được học. Tuy nhiên, do các vần trên là những vần hiếm gặp nên HS chủ yếu tìm trong các văn bản đã học.
- GV nên chia các vần này thành 2 nhóm (để tránh việc HS phải ôn một lần nhiều vần) và HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần.

- Nhóm vấn thứ nhất:
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần *oac, oac, oam, oam*.
 - + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.
 - + Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- Nhóm vấn thứ hai:
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần *uơ, oach, oang*.
 - + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.
 - + Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

2. Nam nhờ chim bồ câu gửi thư làm quen với một người bạn. Hãy giúp Nam chọn từ ngữ phù hợp để Nam giới thiệu mình.

- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ.
- HS nói những gì quan sát được (Nam, chim bồ câu đưa thư). GV hỏi: *Người gửi thư là ai?* (HS: Nam); *Người nhận thư là ai?* (HS: bạn mới quen của Nam); *Người chuyển thư là ai?* (HS: chim bồ câu). GV có thể giải thích thêm, nếu được huấn luyện, một số giống chim bồ câu có thể đưa thư trong khoảng cách xa. Vì vậy, trước đây người ta có thể dùng chim bồ câu để đưa thư.
- HS làm việc nhóm đôi, trao đổi: Trong các từ ngữ đã cho thì những từ ngữ nào đã xuất hiện trong văn bản *Tôi là học sinh lớp 1?* (đúng với Nam); Những từ ngữ nào không có trong văn bản đó? (không đúng với Nam). Những từ ngữ Nam cần chọn để giới thiệu về mình là những từ ngữ xuất hiện trong văn bản đã học.

3. Tìm từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè

- HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ. GV có thể gợi ý: Trong các từ ngữ đã cho, từ ngữ nào em có thể dùng để chỉ tình cảm của em với một người bạn, VD: Có thể nói *Em và Quang rất thân thiết với nhau*. *Thân thiết* là từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè. Có thể nói *Em và Quang đá bóng với nhau*, nhưng *đá bóng* chỉ một hoạt động, một trò chơi, không phải là từ ngữ chỉ tình cảm.
- Những từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè: *thân thiết, gắn gũi, quý mến*. GV lưu ý HS, những từ ngữ này cũng có thể dùng để chỉ tình cảm giữa những người thân trong gia đình, giữa thầy cô và học sinh,...
- HS tìm thêm những từ ngữ khác có thể dùng để chỉ tình cảm bạn bè, chẳng hạn: *yêu quý, quý trọng, gắn bó*,... GV có thể giải thích để HS hiểu rõ những từ ngữ như *quý trọng, gắn bó*,... thường dùng để chỉ tình cảm bạn bè giữa những người bạn lớn tuổi (*gắn bó*: khó tách rời nhau, thường có quan hệ trong thời gian lâu; *quý trọng*: quý và rất coi trọng).
- GV gọi một số HS trình bày, GV và HS nhận xét.

TIẾT 2

4. Nói về một người bạn của em

- HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ. GV có thể gợi ý: *Bạn ấy tên là gì? Học lớp mấy? Ở trường nào? Bạn ấy thích chơi trò chơi gì? Em hay chơi trò chơi gì với bạn ấy? Tình cảm của em đối với bạn ấy thế nào?...* Lưu ý, HS có thể chỉ chọn một số nội dung để nói, không nhất thiết phải nói hết các nội dung được gợi ý.
- Một số HS trình bày trước lớp, nói về một người bạn. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhắc lại một số ý mà HS đã trình bày.
- GV nhận xét, khen ngợi một số HS có ý tưởng hay, tình cảm chân thành.

5. Giải các ô chữ để biết được tên người bạn của Hà

- GV nêu nhiệm vụ. Có thể yêu cầu 1 HS đọc to câu lệnh.
- GV hướng dẫn HS cách thức điền từ ngữ theo hàng ngang. Từ ngữ cần điền vào ô chữ cũng là từ ngữ cần điền vào các câu gợi ý. Trong bài *Tôi và các bạn*, HS đã được học 5 văn bản. 5 câu gợi ý tương ứng với 5 văn bản đã học.
- Sau khi điền đủ 5 từ ngữ theo hàng ngang (1. *giải thưởng*, 2. *sinh nhật*, 3. *đôi tai*, 4. *bạn*, 5. *học sinh*), ở hàng dọc (tô màu), HS sẽ nhìn thấy từ **thanh**. GV yêu cầu HS đọc từ này. Đây là tên người bạn của Hà. GV có thể hỏi thêm: *Vậy tên người bạn mới của Hà là gì?*

6. Củng cố

- GV tóm tắt lại nội dung chính; nhận xét, khen ngợi, động viên HS.

LUYỆN TẬP

BÀI 1. TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 1

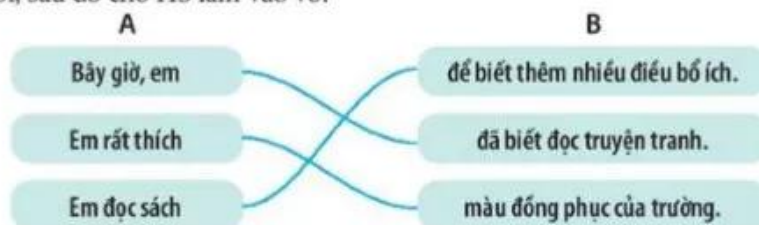
1. Kết hợp từ ngữ ở A và B

- GV yêu cầu HS kết hợp từ ngữ ở A và B:

A	B
Bây giờ, em	để biết thêm nhiều điều bổ ích.
Em rất thích	đã biết đọc truyện tranh.
Em đọc sách	màu đồng phục của trường.

- GV gọi một số (2 – 3) HS đọc lần lượt cột A và cột B.
- HS làm việc nhóm, trao đổi về yêu cầu của bài.

- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp, nhận xét, thống nhất câu trả lời, sau đó cho HS làm vào vở.



2. Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

- GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:
 - + thích, em, nhảy dây, chơi
 - + em, đuổi bắt, thích, chơi, cũng
 - + vui, thật là, đi học
- GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi.
- Một số (2 – 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. (*Em thích chơi nhảy dây. / Em cũng thích chơi đuổi bắt. / Đi học thật là vui.*)⁽¹⁾
- HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng.

Bài 2. ĐÔI TAI XẤU XÍ

Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

- GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:
 - + lưng, ở trên, lạc đà, có, bươu
 - + cái vòi, voi con, dài, có
- GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 – 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. (*Lạc đà có bươu ở trên lưng. / Voi con có cái vòi dài.*)
- HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng.

Bài 3. BẠN CỦA GIÓ

Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

- GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ thành câu: *gió, mây, thổi, bay.*
- GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 – 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. (*Gió thổi mây bay.*)
- HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng.

(1) Do đặc điểm của tiếng Việt – một ngôn ngữ đơn lập, âm tiết tính – từ một số từ ngữ cho trước, có thể sắp xếp theo những trật tự khác nhau để tạo thành những câu khác nhau. Vì vậy với dạng bài tập này, đôi khi có nhiều phương án đúng khác nhau và GV cần ghi nhận kết quả làm bài đúng của HS.

Bài 4. GIẢI THƯỞNG TÌNH BẠN

Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

- GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:
 - + Cường, Kiên, là, và, đôi, bạn thân
 - + Cúc, Nhung, và, nhảy dây, chơi
- GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 – 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. (*Cường và Kiên là đôi bạn thân hoặc Kiên và Cường là đôi bạn thân./ Cúc và Nhung cùng chơi nhảy dây hoặc Nhung và Cúc cùng chơi nhảy dây.*)
- HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng.

Bài 5. SINH NHẬT CỦA VOI CON

Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

- GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:
 - + voi con, sinh nhật, các bạn, chúc mừng
 - + các bạn, em, chơi cùng, giờ ra chơi, thường
 - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 – 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. (*Các bạn chúc mừng sinh nhật voi con./ Giờ ra chơi, em thường chơi cùng các bạn.*)
 - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng.
-